

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: LÍ(10) - CNCN(11) - PHÒNG: 01

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000001	Trương Thị Như Ái	05/06/2010	Nữ	10A7	
2	10000002	Cao Phạm Xuân An	10/06/2010	Nữ	10A6	
3	10000003	Đào Lương Xuân An	11/10/2010	Nam	10A7	
4	10000004	Nguyễn Bình An	12/01/2010	Nam	10A8	
5	10000005	Nguyễn Thị Hoài An	30/07/2010	Nữ	10A9	
6	10000006	Nguyễn Thị Thúy An	17/02/2010	Nữ	10A8	
7	10000007	Nguyễn Văn An	01/05/2010	Nam	10A3	
8	10000008	Phù Thị Thúy An	12/06/2010	Nữ	10A8	
9	10000009	Huỳnh Vũ Hoàng Anh	07/09/2010	Nam	10A3	
10	10000010	Lê Nguyễn Tuấn Anh	14/04/2010	Nam	10A4	
11	10000011	Nguyễn Lan Anh	13/12/2010	Nữ	10A7	
12	10000012	Võ Ngọc Phương Anh	23/09/2010	Nữ	10A3	
13	10000013	Võ Thị Hoài Anh	11/05/2010	Nữ	10A6	
14	10000014	Lý Gia Bảo	22/11/2010	Nam	10A1	
15	10000016	Võ Xuân Bắc	16/01/2010	Nam	10A4	
16	10000017	Vũ Hoàng Bin	02/06/2010	Nam	10A9	
17	10000018	Đồng Thanh Bình	05/01/2010	Nam	10A6	
18	10000019	Phạm Duy Bình	03/09/2010	Nam	10A4	
1	11000001	Nguyễn Thành An	20/10/2009	Nam	11B4	
2	11000002	Bùi Thị Mỹ Anh	16/07/2009	Nữ	11B9	
3	11000003	Nguyễn Đức Anh	19/09/2009	Nam	11B4	
4	11000005	Nguyễn Phước Anh	23/08/2009	Nam	11B9	
5	11000006	Phạm Trần Tú Anh	24/04/2009	Nữ	11B2	
6	11000007	Trương Võ Hoàng Anh	24/06/2009	Nam	11B3	
7	11000008	Lê Thụy Thùy Ánh	27/06/2009	Nữ	11B4	
8	11000009	Nguyễn Hoàng Ân	26/04/2009	Nam	11B1	
9	11000010	Lê Thị Hải Âu	01/06/2009	Nữ	11B9	
10	11000011	Cao Chí Bảo	09/08/2009	Nam	11B3	
11	11000013	Nguyễn Gia Bảo	04/02/2009	Nam	11B8	
12	11000016	Phạm Minh Bảo	26/09/2009	Nam	11B1	
13	11000018	Phạm Xuân Bắc	11/11/2009	Nam	11B2	
14	11000022	Đinh Thị Mỹ Châu	05/01/2009	Nữ	11B8	
15	11000023	Đỗ Minh Châu	11/05/2009	Nữ	11B3	
16	11000025	Nguyễn Thị Diệu Châu	09/09/2009	Nữ	11B1	
17	11000026	Nguyễn Thị Kim Châu	30/05/2009	Nữ	11B1	
18	11000028	Đỗ Thị Thùy Chi	12/09/2009	Nữ	11B4	

Đông Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG
TRƯỜNG
THCS VÀ THPT
VẠN TƯỜNG
Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: LÍ(10) - CNCN(11) - PHÒNG: 02

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000020	Bùi Thị Lệ Cẩm	11/04/2010	Nữ	10A6	
2	10000022	Phạm Hoàng Kim Chung	17/04/2010	Nữ	10A2	
3	10000023	Hà Thanh Chương	24/11/2010	Nam	10A3	
4	10000024	Ngô Văn Chương	15/10/2010	Nam	10A7	
5	10000025	Tiêu Viết Chương	04/05/2010	Nam	10A6	
6	10000026	Phạm Trần Đình Cư	26/03/2010	Nam	10A8	
7	10000027	Ngô Thanh Cường	15/05/2010	Nam	10A1	
8	10000028	Tô Xuân Cường	19/01/2010	Nam	10A4	
9	10000029	Trịnh Phạm Quan Cường	25/04/2010	Nam	10A9	
10	10000031	Bùi Nguyễn Gia Di	16/05/2010	Nữ	10A8	
11	10000032	Phù Thị Hồng Diễm	30/08/2010	Nữ	10A9	
12	10000033	Võ Lâm Hoàng Diệp	12/04/2010	Nữ	10A4	
13	10000034	Đinh Phạm Thùy Dung	08/03/2010	Nữ	10A8	
14	10000035	Lưu Thị Thùy Dung	26/01/2010	Nữ	10A6	
15	10000036	Trịnh Nguyễn Kim Dung	11/02/2010	Nữ	10A2	
16	10000037	Ứng Thị Thùy Dung	24/07/2010	Nữ	10A7	
17	10000038	Lê Minh Dũng	28/06/2010	Nam	10A4	
18	10000039	Nguyễn Thanh Dũng	22/08/2010	Nam	10A1	
1	11000030	Phạm Thùy Chi	06/06/2009	Nữ	11B1	
2	11000031	Bùi Đức Chí	21/10/2009	Nam	11B2	
3	11000034	Nguyễn Thị Kim Chung	18/10/2009	Nữ	11B9	
4	11000035	Nguyễn Thành Chương	02/03/2009	Nam	11B2	
5	11000036	Trần Văn Công	25/02/2009	Nam	11B4	
6	11000039	Nguyễn Đặng Thành Danh	06/09/2009	Nam	11B1	
7	11000042	Phạm Xuân Diễm	20/05/2009	Nữ	11B9	
8	11000044	Vũ Thị Ái Diễm	01/10/2009	Nữ	11B2	
9	11000047	Tiêu Tuấn Du	16/03/2009	Nam	11B4	
10	11000049	Phạm Bá Duy	08/06/2009	Nam	11B1	
11	11000050	Trương Quốc Duy	26/03/2009	Nam	11B2	
12	11000051	Đoàn Thị Mỹ Duyên	07/03/2009	Nữ	11B8	
13	11000054	Nguyễn Ngọc Kiều Duyên	10/02/2009	Nữ	11B8	
14	11000055	Nguyễn Thị Bích Duyên	08/09/2009	Nữ	11B8	
15	11000056	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	30/11/2009	Nữ	11B9	
16	11000058	Trần Mỹ Duyên	02/03/2009	Nữ	11B4	
17	11000059	Nguyễn Minh Dương	10/06/2009	Nam	11B2	
18	11000060	Nguyễn Thị Hiếu Dương	14/08/2009	Nữ	11B8	

Đông Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026

TRƯỜNG
THCS VÀ THPT
VAN TƯỜNG
Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: LÍ(10) - CNCN(11) - PHÒNG: 03

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000041	Đinh Ngọc Duy	11/01/2010	Nam	10A3	
2	10000042	Trần Mỹ Duyên	14/06/2010	Nữ	10A9	
3	10000043	Huỳnh Hồ Công Dương	12/01/2010	Nam	10A3	
4	10000044	Nguyễn Ngọc Khánh Đan	04/09/2010	Nữ	10A6	
5	10000045	Bùi Tấn Đạt	06/03/2010	Nam	10A8	
6	10000046	Nguyễn Văn Thành Đạt	07/03/2010	Nam	10A7	
7	10000047	Phạm Tấn Đạt	29/04/2010	Nam	10A3	
8	10000048	Trương Hữu Đạt	28/06/2010	Nam	10A3	
9	10000049	Võ Tuấn Đạt	22/11/2010	Nam	10A3	
10	10000050	Trương Quang Đệ	20/10/2010	Nam	10A3	
11	10000051	Nguyễn Tấn Quang Đức	27/03/2010	Nam	10A9	
12	10000052	Đỗ Hồng Gấm	25/10/2010	Nữ	10A7	
13	10000053	Đặng Phạm Quốc Gia	07/03/2010	Nam	10A7	
14	10000054	Đỗ Thị Tiên Giang	28/06/2010	Nữ	10A8	
15	10000055	Hà Bảo Giang	04/12/2010	Nữ	10A6	
16	10000056	Trương Văn Hải	27/04/2010	Nam	10A1	
17	10000057	Nguyễn Hồng Hạnh	06/09/2010	Nữ	10A9	
18	10000058	Nguyễn Hồng Hạnh	17/05/2010	Nữ	10A7	
1	11000061	Trần Thị Ngọc Dương	04/01/2009	Nữ	11B3	
2	11000063	Trịnh Quốc Đại	28/03/2009	Nam	11B4	
3	11000065	Nguyễn Kim Đan	27/09/2009	Nữ	11B3	
4	11000066	Nguyễn Thị Minh Hoài Đan	29/01/2009	Nữ	11B1	
5	11000070	Ngô Anh Đức	06/12/2009	Nam	11B4	
6	11000071	Nguyễn Hồ Huỳnh Đức	29/05/2009	Nam	11B3	
7	11000076	Nguyễn Hiếu Hà	09/11/2009	Nữ	11B1	
8	11000080	Đồng Thanh Hải	22/02/2009	Nam	11B1	
9	11000081	Lý Hải	19/01/2009	Nam	11B2	
10	11000084	Phạm Thị Hạnh	06/06/2009	Nữ	11B2	
11	11000085	Trần Minh Hào	19/11/2009	Nam	11B1	
12	11000087	Đỗ Thị Thanh Hằng	12/08/2009	Nữ	11B8	
13	11000089	Lê Bảo Hân	07/11/2009	Nữ	11B8	
14	11000092	Tạ Gia Hân	02/05/2009	Nữ	11B8	
15	11000093	Bùi Thị Thu Hiền	02/07/2009	Nữ	11B4	
16	11000094	Huỳnh Thị Hiền	02/07/2009	Nữ	11B2	
17	11000095	Phạm Thanh Hiền	10/02/2009	Nam	11B1	
18	11000096	Phạm Thị Hiền	05/12/2009	Nữ	11B8	

Đông Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG
TRƯỜNG
THCS VÀ THPT
VAN TƯỜNG
Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: LÍ(10) - CNCN(11) - PHÒNG: 04

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000059	Dương Gia Hạo	01/07/2010	Nam	10A1	
2	10000060	Bùi Thị Như Hằng	13/01/2010	Nữ	10A8	
3	10000061	Phạm Phương Hằng	24/03/2010	Nữ	10A6	
4	10000063	Dương Thị Kim Hân	09/07/2010	Nữ	10A6	
5	10000064	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	10/06/2010	Nữ	10A9	
6	10000065	Nguyễn Thị Bảo Hân	19/06/2010	Nữ	10A4	
7	10000066	Trương Nguyễn Gia Hân	03/10/2010	Nữ	10A2	
8	10000067	Võ Gia Hân	02/12/2010	Nam	10A2	
9	10000068	Đỗ Thị Mỹ Hậu	24/04/2010	Nữ	10A7	
10	10000070	Bùi Thị Như Hiền	12/09/2010	Nữ	10A8	
11	10000071	Huỳnh Thị Hiếu	05/02/2010	Nữ	10A9	
12	10000072	Phạm Ngọc Trung Hiếu	14/10/2010	Nam	10A8	
13	10000073	Tiêu Viết Hiếu	05/02/2010	Nam	10A1	
14	10000074	Bùi Đình Hiệu	10/03/2010	Nam	10A4	
15	10000075	Đỗ Thị Kim Hoa	17/03/2010	Nữ	10A7	
16	10000078	Phan Thị Như Hoa	14/08/2010	Nữ	10A1	
17	10000079	Tô Hiếu Học	22/09/2010	Nam	10A4	
18	10000080	Võ Văn Học	30/03/2010	Nam	10A4	
1	11000097	Đặng Tấn Hiếu	07/06/2009	Nam	11B2	
2	11000098	Nguyễn Duy Hiếu	04/10/2009	Nam	11B3	
3	11000099	Nguyễn Như Hiếu	04/10/2009	Nữ	11B2	
4	11000100	Phạm Hoàng Hiếu	02/11/2009	Nam	11B8	
5	11000101	Phạm Văn Hiếu	27/07/2009	Nam	11B3	
6	11000102	Lê Thị Thúy Hoa	09/04/2009	Nữ	11B3	
7	11000104	Trần Thị Mỹ Hoa	02/06/2009	Nữ	11B8	
8	11000105	Nguyễn Thị Hải Hòa	28/07/2009	Nữ	11B8	
9	11000106	Phan Lê Như Huệ	28/02/2009	Nữ	11B8	
10	11000107	Nguyễn Đức Huy	29/08/2009	Nam	11B3	
11	11000108	Nguyễn Đức Huy	25/12/2009	Nam	11B2	
12	11000109	Nguyễn Thành Huy	30/10/2009	Nam	11B2	
13	11000112	Phan Nguyễn Nhất Huy	26/11/2009	Nam	11B1	
14	11000113	Tiêu Quang Huy	12/09/2009	Nam	11B4	
15	11000117	Lê Thị Huyền	28/02/2009	Nữ	11B8	
16	11000118	Trương Khánh Huyền	29/07/2009	Nữ	11B8	
17	11000121	Lê Mạnh Hưởng	13/08/2009	Nam	11B2	
18	11000122	Nguyễn Minh Hữu	07/06/2009	Nam	11B4	

Đông Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG
TRƯỜNG
THCS VÀ THPT
VẠN TƯỜNG
Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: LÍ(10) - CNCN(11) - PHÒNG: 05

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000081	Cao Nguyễn Thúy Hồng	20/09/2009	Nữ	10A1	
2	10000082	Bùi Thị Kim Huệ	01/09/2010	Nữ	10A6	
3	10000086	Lê Thành Huy	08/10/2010	Nam	10A4	
4	10000087	Tiêu Viết Nguyên Huy	02/05/2010	Nam	10A9	
5	10000088	Lê Thị Huyền	13/11/2010	Nữ	10A8	
6	10000089	Huỳnh Thị Thúy Huyền	10/12/2010	Nữ	10A2	
7	10000090	Lê Thị Huyền	04/04/2010	Nữ	10A1	
8	10000091	Nguyễn Khánh Huyền	13/03/2010	Nữ	10A4	
9	10000092	Phạm Nguyễn Khánh Huyền	20/07/2010	Nữ	10A6	
10	10000093	Phạm Thị Huyền	21/06/2010	Nữ	10A4	
11	10000094	Võ Thị Thu Huyền	22/12/2010	Nữ	10A9	
12	10000095	Huỳnh Đăng Hưng	20/02/2010	Nam	10A3	
13	10000096	Lê Văn Quốc Hưng	25/07/2010	Nam	10A4	
14	10000097	Phạm Tuấn Hưng	15/06/2010	Nam	10A3	
15	10000098	Lê Trương Thanh Hương	29/11/2010	Nữ	10A4	
16	10000099	Nguyễn Lan Hương	08/01/2010	Nữ	10A7	
17	10000100	Võ Thị Kim Hương	21/11/2010	Nữ	10A8	
18	10000101	Nguyễn Hữu	20/04/2010	Nam	10A4	
1	11000124	Nguyễn Anh Kha	22/09/2009	Nam	11B2	
2	11000125	Nguyễn Công Kha	12/12/2009	Nam	11B3	
3	11000126	Nguyễn Hồng Khải	15/10/2009	Nam	11B1	
4	11000127	Nguyễn Xuân Khải	13/01/2009	Nam	11B3	
5	11000130	Nguyễn Tấn Khang	05/02/2009	Nam	11B4	
6	11000131	Nguyễn Văn Chấn Khang	25/12/2009	Nam	11B9	
7	11000132	Nguyễn Vũ Khang	01/08/2008	Nam	11B4	
8	11000133	Lê Bùi Thục Khanh	10/01/2009	Nữ	11B1	
9	11000138	Vũ Hoàng Quốc Khánh	17/08/2009	Nam	11B3	
10	11000139	Bùi Nguyễn Anh Khoa	13/05/2009	Nam	11B8	
11	11000141	Nguyễn Bá Khoa	13/09/2009	Nam	11B3	
12	11000143	Nguyễn Đăng Khoa	17/08/2009	Nam	11B9	
13	11000144	Nguyễn Đăng Khoa	12/07/2009	Nam	11B2	
14	11000146	Phan Tấn Khôi	17/11/2009	Nam	11B3	
15	11000149	Nguyễn Bảo Khuyên	20/08/2009	Nữ	11B2	
16	11000150	Nguyễn Đức Kiên	01/01/2009	Nam	11B1	
17	11000152	Phù Trung Kiên	04/05/2009	Nam	11B2	
18	11000153	Đoàn Võ Duy Kiệt	21/06/2009	Nam	11B3	

Đông Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026


TRƯỜNG
THCS VÀ THPT
VẠN TƯỜNG
Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: LÍ(10) - CNCN(11) - PHÒNG: 06

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000102	Nguyễn Thanh Hy	01/02/2010	Nữ	10A2	
2	10000103	Đặng Thành Kha	08/10/2010	Nam	10A2	
3	10000105	Nguyễn Kha	02/08/2009	Nam	10A3	
4	10000106	Đỗ Nguyên Văn Khải	07/05/2010	Nam	10A3	
5	10000107	Nguyễn Văn Khải	22/01/2010	Nam	10A7	
6	10000108	Bùi An Khang	16/08/2010	Nam	10A3	
7	10000109	Bùi Hữu Khanh	29/04/2010	Nam	10A4	
8	10000110	Đỗ Chí Khánh	22/08/2010	Nam	10A8	
9	10000111	Phùng Thanh Khiêm	24/10/2010	Nam	10A4	
10	10000113	Võ Anh Khoa	22/07/2010	Nam	10A2	
11	10000115	Nguyễn Đình Bá Khôi	27/11/2010	Nam	10A7	
12	10000116	Nguyễn Minh Khôi	02/07/2010	Nam	10A4	
13	10000117	Nguyễn Văn Khôi	16/03/2010	Nam	10A2	
14	10000118	Nguyễn Văn Khôi	18/10/2010	Nam	10A4	
15	10000119	Võ Huỳnh Minh Khôi	09/06/2010	Nam	10A9	
16	10000121	Võ Thị Diễm Kiều	20/01/2010	Nữ	10A6	
17	10000123	Nguyễn Hoàng Lai	24/04/2010	Nữ	10A1	
18	10000125	Nguyễn Thị Linh	14/02/2010	Nữ	10A7	
1	11000156	Võ Duy Kiệt	14/09/2009	Nam	11B3	
2	11000157	Võ Hoàng Kiệt	16/01/2009	Nam	11B2	
3	11000158	Nguyễn Thị Thảo Kim	25/11/2009	Nữ	11B9	
4	11000159	Nguyễn Tấn Kính	29/03/2008	Nam	11B4	
5	11000161	Bùi Nguyễn Hà Lâm	13/12/2009	Nữ	11B9	
6	11000162	Nguyễn Đức Bảo Lâm	29/04/2009	Nam	11B4	
7	11000163	Vũ Hoài Gia Lệ	03/10/2009	Nữ	11B3	
8	11000167	Trịnh Hoài Linh	09/04/2009	Nam	11B2	
9	11000169	Trương Hoàng Nhật Linh	04/09/2009	Nữ	11B8	
10	11000170	Võ Thị Mỹ Linh	14/03/2009	Nữ	11B1	
11	11000171	Võ Thị Ngọc Linh	09/04/2009	Nữ	11B8	
12	11000172	Võ Hoàng Long	29/07/2009	Nam	11B4	
13	11000173	Trần Tấn Lồng	25/09/2008	Nam	11B3	
14	11000174	Lê Trung Luân	08/12/2009	Nam	11B3	
15	11000175	Thới Văn Luân	17/04/2009	Nam	11B3	
16	11000176	Võ Đức Lưu	19/10/2009	Nam	11B2	
17	11000180	Trần Thị Yến Ly	22/06/2009	Nữ	11B4	
18	11000182	Võ Thị Cẩm Ly	19/04/2009	Nữ	11B9	

Đông Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026

TRƯỜNG
TRƯỞNG
THCS VÀ THPT
VAN TƯỜNG
Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: LÝ(10) - CNCN(11) - PHÒNG: 07

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000126	Nguyễn Thùy Linh	26/02/2010	Nữ	10A9	
2	10000127	Võ Tấn Linh	05/10/2010	Nam	10A2	
3	10000129	Võ Nữ Tiểu Long	19/04/2010	Nữ	10A4	
4	10000130	Bùi Thị Mỹ Lộc	26/04/2010	Nữ	10A8	
5	10000131	Nguyễn Thành Luân	05/02/2010	Nam	10A3	
6	10000132	Bùi Thị Ly	27/05/2010	Nữ	10A9	
7	10000133	Nguyễn Phạm Trúc Ly	04/05/2010	Nữ	10A7	
8	10000135	Dương Nguyễn Hà Mi	20/05/2010	Nữ	10A8	
9	10000136	Đoàn Lê Bình Minh	03/05/2010	Nữ	10A2	
10	10000137	Nguyễn Trần Bình Minh	20/10/2010	Nam	10A6	
11	10000138	Trần Quang Minh	30/03/2010	Nam	10A2	
12	10000139	Đặng Nguyễn Trà My	18/05/2010	Nữ	10A8	
13	10000140	Đỗ Thị Trà My	11/08/2010	Nữ	10A6	
14	10000141	Lê Thị Khả My	24/03/2010	Nữ	10A9	
15	10000143	Phạm Thị Huỳnh My	27/02/2010	Nữ	10A7	
16	10000145	Trương Thị Hiền My	28/07/2010	Nữ	10A1	
17	10000146	Võ Thị Kiều My	22/08/2010	Nữ	10A9	
18	10000147	Huỳnh Thị Hoàn Mỹ	21/07/2010	Nữ	10A8	
1	11000186	Trần Nhất Mao	06/11/2009	Nam	11B3	
2	11000187	Hồ Văn Minh	31/05/2009	Nam	11B4	
3	11000188	Lê Nguyễn Bình Minh	07/05/2009	Nam	11B1	
4	11000190	Bùi Đỗ Huyền My	01/01/2009	Nữ	11B9	
5	11000192	Nguyễn Thị Kiều My	06/10/2009	Nữ	11B2	
6	11000195	Nguyễn Thị Mỹ	13/03/2009	Nữ	11B3	
7	11000196	Nguyễn Phạm Ty Na	09/11/2009	Nữ	11B8	
8	11000200	Vương Trần Tấn Nam	22/01/2009	Nam	11B2	
9	11000202	Trương Thị Thúy Nga	19/04/2009	Nữ	11B1	
10	11000211	Phạm Thu Ngân	08/11/2009	Nữ	11B4	
11	11000212	Trần Tô Diệu Ngân	15/04/2009	Nữ	11B8	
12	11000213	Trương Thị Thu Ngân	10/08/2009	Nữ	11B9	
13	11000218	Huỳnh Minh Nghiêm	11/05/2009	Nam	11B4	
14	11000219	Bùi Thị Như Ngọc	23/12/2009	Nữ	11B2	
15	11000221	Lê Quý Như Ngọc	17/05/2009	Nữ	11B8	
16	11000223	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	14/04/2009	Nữ	11B8	
17	11000226	Phan Thùy Ngọc	22/02/2009	Nữ	11B1	
18	11000229	Nguyễn Duy Nguyên	04/04/2009	Nam	11B4	

Đống Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026


TRƯỜNG
THCS VÀ THPT
VẠN TƯỜNG
Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: LÍ(10) - CNCN(11) - PHÒNG: 08

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000148	Phan Thị Thu Mỹ	25/01/2010	Nữ	10A7	
2	10000149	Phan Thị Thu My	25/01/2010	Nữ	10A7	
3	10000150	Đỗ Thị Vi Na	19/06/2010	Nữ	10A2	
4	10000152	Nguyễn Thị Ry Na	10/05/2010	Nữ	10A9	
5	10000153	Phạm Thị Ngọc Na	27/06/2010	Nữ	10A8	
6	10000154	Tiêu Thị Vi Na	15/07/2010	Nữ	10A7	
7	10000155	Trần Võ A Na	08/09/2010	Nữ	10A8	
8	10000156	Nguyễn Nhật Nam	19/11/2010	Nam	10A3	
9	10000157	Phan Nguyễn Bảo Nam	20/01/2010	Nam	10A8	
10	10000159	Bùi Thị Thanh Ngân	11/12/2010	Nữ	10A1	
11	10000160	Nguyễn Kim Ngân	30/07/2010	Nữ	10A9	
12	10000162	Trần Bảo Ngân	16/03/2010	Nữ	10A6	
13	10000163	Trần Thị Kim Ngân	21/09/2010	Nữ	10A6	
14	10000164	Trương Thị Mỹ Ngân	23/09/2010	Nữ	10A4	
15	10000165	Võ Kim Phú Ngân	29/09/2010	Nữ	10A6	
16	10000166	Võ Thị Kim Ngân	17/06/2010	Nữ	10A2	
17	10000167	Yêu Thanh Ngân	12/07/2010	Nữ	10A7	
18	10000168	Bùi Thị Kim Nghi	18/09/2010	Nữ	10A3	
1	11000230	Nguyễn Đan Nguyên	17/01/2009	Nam	11B9	
2	11000231	Nguyễn Thị Nguyên	23/10/2009	Nữ	11B8	
3	11000232	Võ Phan Hoàng Nguyên	05/01/2009	Nam	11B9	
4	11000234	Tiêu Viết Nhã	22/09/2009	Nam	11B2	
5	11000236	Đặng Thiện Nhân	19/04/2009	Nam	11B9	
6	11000237	Phạm Văn Nhân	25/01/2009	Nam	11B3	
7	11000238	Võ Duy Nhân	05/05/2009	Nam	11B4	
8	11000239	Võ Thiện Nhân	27/04/2009	Nam	11B3	
9	11000241	Trần Quang Đệ Nhất	04/10/2009	Nam	11B4	
10	11000245	Đỗ Phạm Yến Nhi	27/04/2009	Nữ	11B2	
11	11000246	Đỗ Thị Nhi	16/10/2009	Nữ	11B3	
12	11000248	Huỳnh Thị Yến Nhi	15/01/2009	Nữ	11B1	
13	11000249	Lương Thị Yến Nhi	21/06/2009	Nữ	11B8	
14	11000256	Võ Thị Uyên Nhi	06/02/2009	Nữ	11B8	
15	11000257	Nguyễn Thị An Nhiên	25/10/2009	Nữ	11B4	
16	11000259	Võ Thị Ý Nhiên	19/11/2009	Nữ	11B1	
17	11000263	Võ Thị Thu Nhung	08/01/2009	Nữ	11B8	
18	11000269	Trương Phạm Tâm Như	07/10/2009	Nữ	11B1	

Đống Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026



Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: LÍ(10) - CNCN(11) - PHÒNG: 09

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000169	Võ Hoài Ngọc Nghi	07/11/2010	Nữ	10A6	
2	10000170	Bùi Hữu Nghị	22/01/2010	Nam	10A6	
3	10000171	Nguyễn Văn Nghĩa	08/08/2010	Nam	10A9	
4	10000173	Nguyễn Thiên Ngọc	19/04/2010	Nữ	10A6	
5	10000174	Võ Bảo Ngọc	08/06/2010	Nữ	10A1	
6	10000175	Huỳnh Thảo Nguyên	29/03/2010	Nữ	10A1	
7	10000176	Nguyễn Hạnh Nguyên	20/09/2010	Nữ	10A2	
8	10000177	Nguyễn Trọng Nguyên	09/10/2009	Nam	10A7	
9	10000178	Tiêu Thị Thảo Nguyên	05/12/2010	Nữ	10A8	
10	10000179	Tạ Thị Thanh Nhân	06/01/2010	Nữ	10A9	
11	10000180	Nguyễn Thành Nhân	09/06/2010	Nam	10A2	
12	10000181	Nguyễn Viết Nhân	23/06/2010	Nam	10A4	
13	10000183	Lê Văn Nhật	28/05/2010	Nam	10A9	
14	10000184	Nguyễn Đỗ Thành Nhật	07/01/2010	Nam	10A8	
15	10000185	Phạm Tấn Nhật	04/07/2010	Nam	10A1	
16	10000186	Võ Tuấn Nhật	27/06/2010	Nam	10A1	
17	10000187	Bùi Thị Yến Nhi	26/04/2010	Nữ	10A9	
18	10000188	Huỳnh Lê Yến Nhi	29/11/2010	Nữ	10A7	
1	11000271	Đỗ Nguyễn Quốc Ninh	25/01/2009	Nam	11B9	
2	11000272	Đặng Thị Nữ	27/07/2009	Nữ	11B2	
3	11000273	Huỳnh Ngọc Nữ	02/12/2009	Nữ	11B1	
4	11000275	Phạm Thị Yên Nữ	08/09/2009	Nữ	11B1	
5	11000277	Nguyễn Bùi Phương Ny	09/04/2009	Nữ	11B9	
6	11000278	Nguyễn Thị Bích Ny	06/07/2009	Nữ	11B3	
7	11000281	Nguyễn Việt Phương Oanh	05/05/2009	Nữ	11B8	
8	11000282	Nguyễn Duy Phát	17/01/2009	Nam	11B1	
9	11000284	Nguyễn Võ Tấn Phát	16/11/2009	Nam	11B3	
10	11000285	Đào Thị Quỳnh Phi	30/10/2009	Nữ	11B8	
11	11000286	Nguyễn Hoàng Phi	25/08/2009	Nam	11B1	
12	11000289	Hoàng Đặng Phong	03/09/2009	Nam	11B1	
13	11000291	Nguyễn Duy Phong	23/06/2009	Nam	11B1	
14	11000294	Huỳnh Thị Thu Phú	25/06/2009	Nữ	11B8	
15	11000296	Nguyễn Đặng Hoàng Phúc	26/07/2009	Nam	11B1	
16	11000298	Trần Thanh Phúc	06/12/2009	Nam	11B9	
17	11000299	Nguyễn Hoàng Phước	01/06/2009	Nam	11B8	
18	11000301	Nguyễn Văn Phước	03/09/2009	Nam	11B9	

Đông Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026

HIỆP TRƯỞNG
TRƯỜNG
THCS VÀ THPT
VAN TƯỜNG
Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: LÍ(10) - CNCN(11) - PHÒNG: 10

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000189	Lê Nguyễn Ái Nhi	01/12/2010	Nữ	10A2	
2	10000190	Nguyễn Thị Yến Nhi	07/04/2010	Nữ	10A4	
3	10000192	Phạm Nguyễn Yến Nhi	26/02/2010	Nữ	10A2	
4	10000193	Phan Thị Yến Nhi	19/04/2010	Nữ	10A8	
5	10000194	Trần Thị Mỹ Nhiên	24/11/2010	Nữ	10A7	
6	10000195	Ao Thị Ý Như	12/05/2010	Nữ	10A8	
7	10000197	Đỗ Thị Huỳnh Như	17/05/2010	Nữ	10A6	
8	10000200	Huỳnh Thị Bảo Như	24/01/2010	Nữ	10A7	
9	10000201	Lê Huỳnh Như	24/02/2010	Nữ	10A9	
10	10000202	Nguyễn Phước Bảo Như	22/07/2010	Nữ	10A8	
11	10000204	Bùi Thị Bích Nở	23/08/2010	Nữ	10A9	
12	10000205	Trần Phan Kiều Oanh	12/07/2010	Nữ	10A6	
13	10000206	Nguyễn Tấn Phát	02/12/2009	Nam	10A4	
14	10000207	Tiêu Minh Phát	24/02/2010	Nam	10A7	
15	10000208	Bùi Ngọc Gia Phúc	01/03/2010	Nam	10A9	
16	10000209	Đinh Xuân Phúc	24/02/2010	Nam	10A1	
17	10000210	Lê Anh Phúc	19/03/2010	Nam	10A8	
18	10000211	Nguyễn Hồng Phúc	05/07/2010	Nam	10A7	
1	11000302	Phạm Hoàng Phước	06/08/2009	Nam	11B1	
2	11000303	Phạm Văn Phước	21/10/2009	Nam	11B3	
3	11000305	Đặng Hà Phương	29/11/2009	Nữ	11B9	
4	11000308	Nguyễn Anh Quân	02/05/2009	Nam	11B2	
5	11000310	Nguyễn Thị Cẩm Quyên	27/08/2009	Nữ	11B8	
6	11000312	Phan Thị Ngọc Quyên	05/09/2009	Nữ	11B9	
7	11000318	Bùi Xuân Quỳnh	25/10/2009	Nam	11B9	
8	11000322	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	30/12/2009	Nữ	11B9	
9	11000327	Nguyễn Tấn Sang	30/01/2009	Nam	11B3	
10	11000328	Nguyễn Công Sinh	18/10/2009	Nam	11B3	
11	11000334	Nguyễn Tuấn Tâm	28/01/2009	Nam	11B2	
12	11000335	Phạm Thị Thanh Tâm	15/11/2009	Nữ	11B1	
13	11000337	Nguyễn Ngọc Thạch	20/10/2009	Nam	11B3	
14	11000340	Đỗ Minh Thành	10/10/2009	Nam	11B2	
15	11000342	Bùi Thị Thảo	04/10/2009	Nữ	11B3	
16	11000348	Nguyễn Thị Hồng Thắm	15/01/2009	Nữ	11B8	
17	11000349	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/01/2009	Nữ	11B3	
18	11000350	Phạm Thị Hoàng Thắm	04/01/2009	Nữ	11B8	

Đông Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: LÍ(10) - CNCN(11) - PHÒNG: 11

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000212	Nguyễn Thị Kim Phúc	06/01/2010	Nữ	10A7	
2	10000213	Bùi Ngọc Kỳ Phương	14/02/2010	Nữ	10A6	
3	10000214	Bùi Thị Bích Phương	27/08/2010	Nữ	10A6	
4	10000215	Nguyễn Thanh Phương	29/01/2010	Nam	10A8	
5	10000217	Nguyễn Nhật Quân	23/02/2010	Nam	10A9	
6	10000218	Trương Minh Quân	10/12/2010	Nam	10A4	
7	10000219	Lê Võ Quang Quốc	29/10/2010	Nam	10A3	
8	10000220	Nguyễn Thị Thùy Quyên	06/07/2010	Nữ	10A3	
9	10000221	Đặng Lê Kim Quỳnh	23/07/2010	Nữ	10A6	
10	10000222	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	13/09/2010	Nữ	10A1	
11	10000223	Nguyễn Phạm Như Quỳnh	26/12/2010	Nữ	10A6	
12	10000224	Nguyễn Trần Khánh Quỳnh	14/05/2010	Nữ	10A9	
13	10000225	Vũ Hoàng Sa	18/11/2010	Nữ	10A7	
14	10000226	Nguyễn Lâm Chí Sang	26/11/2010	Nam	10A1	
15	10000227	Phan Đức Sơn	20/06/2010	Nam	10A1	
16	10000228	Ngô Đức Tài	19/10/2010	Nam	10A3	
17	10000229	Trần Thiên Tạo	27/04/2010	Nam	10A3	
18	10000230	Huỳnh Nguyễn Ngọc Bảo Tân	12/04/2010	Nữ	10A6	
1	11000351	Dương Nguyễn Hữu Thắng	30/03/2009	Nam	11B2	
2	11000352	Võ Hoài Thế	19/01/2009	Nam	11B2	
3	11000353	Thới Lê Nhất Thiên	06/10/2009	Nam	11B8	
4	11000354	Hồ Ngọc Thiện	25/11/2009	Nam	11B9	
5	11000355	Tạ Đình Thiện	10/02/2009	Nam	11B4	
6	11000356	Võ Thiện	20/01/2009	Nam	11B4	
7	11000358	Nguyễn Sinh Thịnh	13/10/2009	Nam	11B3	
8	11000363	Bùi Quỳnh Thom	21/09/2009	Nam	11B3	
9	11000366	Huỳnh Thị Thúy	18/06/2009	Nữ	11B4	
10	11000373	Nguyễn Minh Thư	20/11/2009	Nữ	11B3	
11	11000377	Nguyễn Thị Anh Thư	25/10/2009	Nữ	11B9	
12	11000382	Tiêu Thị Quỳnh Thư	30/06/2009	Nữ	11B8	
13	11000383	Vũ Thị Anh Thư	20/10/2009	Nữ	11B8	
14	11000386	Phạm Duy Thường	17/10/2009	Nam	11B4	
15	11000387	Bùi Bảo Thy	11/07/2009	Nữ	11B8	
16	11000389	Nguyễn Đặng Bảo Thy	22/12/2009	Nữ	11B1	
17	11000392	Lê Thị Kim Tiên	02/04/2009	Nữ	11B9	
18	11000393	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	23/03/2009	Nữ	11B9	

Đông Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: LÍ(10) - CNCN(11) - PHÒNG: 12

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000231	Ngô Thanh Tâm	02/02/2010	Nam	10A7	
2	10000233	Phan Nhật Tân	05/07/2010	Nam	10A3	
3	10000234	Dương Quang Thái	06/09/2010	Nam	10A1	
4	10000235	Phạm Phú Thành	01/01/2010	Nam	10A1	
5	10000236	Hồ Thị Thu Thảo	14/02/2010	Nữ	10A2	
6	10000237	Huỳnh Tịnh Nhật Thảo	01/10/2010	Nữ	10A6	
7	10000239	Võ Minh Thảo	31/03/2010	Nam	10A3	
8	10000240	Võ Thị Thu Thảo	28/02/2010	Nữ	10A8	
9	10000241	Nguyễn Thạch Thiên	22/06/2010	Nam	10A4	
10	10000242	Phạm Thanh Thiên	16/07/2010	Nam	10A2	
11	10000243	Trần Ngọc Thiện	24/01/2010	Nam	10A4	
12	10000245	Võ Nguyễn Gia Thiệu	20/06/2010	Nam	10A2	
13	10000246	Đoàn Tấn Thịnh	06/06/2010	Nam	10A2	
14	10000247	Phạm Duy Thịnh	22/04/2010	Nam	10A3	
15	10000248	Phan Văn Thịnh	18/06/2010	Nam	10A3	
16	10000249	Võ Đức Thịnh	11/01/2010	Nam	10A4	
17	10000250	Nguyễn Thị Ngọc Thơm	16/06/2010	Nữ	10A9	
18	10000251	Phan Thị Thơm	23/02/2010	Nữ	10A7	
1	11000394	Trần Văn Tiên	28/02/2009	Nam	11B4	
2	11000396	Trần Mạnh Tiến	12/04/2009	Nam	11B9	
3	11000397	Nguyễn Tấn Tinh	12/02/2009	Nam	11B9	
4	11000398	Trần Thị Kim Tỏa	27/01/2009	Nữ	11B9	
5	11000399	Đinh Phạm Hữu Toàn	09/05/2009	Nam	11B4	
6	11000401	Đồng Thị Minh Trang	19/12/2009	Nữ	11B1	
7	11000402	Lê Phương Trang	22/11/2009	Nữ	11B1	
8	11000403	Nguyễn Thị Thu Trang	24/09/2009	Nữ	11B1	
9	11000404	Phạm Nguyễn Mai Trang	07/10/2009	Nữ	11B2	
10	11000405	Phan Thị Trang	24/01/2009	Nữ	11B4	
11	11000406	Bùi Bảo Trâm	31/03/2009	Nữ	11B1	
12	11000407	Bùi Nguyễn Quỳnh Trâm	02/03/2009	Nữ	11B3	
13	11000409	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	11/02/2009	Nữ	11B9	
14	11000410	Phạm Minh Trâm	31/08/2009	Nữ	11B9	
15	11000413	Đỗ Anh Trí	19/02/2009	Nam	11B1	
16	11000414	Trần Quang Trí	11/08/2009	Nam	11B4	
17	11000415	Nguyễn Minh Triết	27/01/2009	Nam	11B4	
18	11000418	Nguyễn Thị Kiều Trinh	29/12/2009	Nữ	11B9	

Đông Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026

TRƯỜNG
THCS VÀ THPT
VẠN TƯỜNG
Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: LÍ(10) - CNCN(11) - PHÒNG: 13

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000253	Nguyễn Thị Thu	07/11/2010	Nữ	10A8	
2	10000254	Lê Minh Thuận	01/06/2010	Nam	10A3	
3	10000255	Bùi Văn Thuận	06/07/2010	Nam	10A8	
4	10000256	Đặng Mai Thùy	24/12/2010	Nữ	10A9	
5	10000257	Nguyễn Thanh Thuyền	01/05/2010	Nữ	10A7	
6	10000258	Đặng Anh Thư	15/11/2010	Nữ	10A6	
7	10000260	Lý Nguyễn Minh Thư	10/04/2010	Nữ	10A9	
8	10000261	Ngô Trần Anh Thư	05/04/2010	Nữ	10A9	
9	10000262	Phạm Thới Anh Thư	16/01/2010	Nữ	10A8	
10	10000264	Võ Anh Thư	18/12/2010	Nữ	10A8	
11	10000265	Võ Thị Anh Thư	21/08/2010	Nữ	10A7	
12	10000266	Lê Viết Thực	19/02/2010	Nam	10A9	
13	10000267	Nguyễn Hữu My Thương	06/05/2010	Nữ	10A3	
14	10000268	Phạm Đỗ Ngọc Thương	12/12/2010	Nữ	10A1	
15	10000269	Bùi Bảo Thy	09/09/2010	Nữ	10A2	
16	10000270	Phạm Thị Khánh Thy	02/11/2010	Nữ	10A2	
17	10000271	Đỗ Nguyễn Ngọc Tiên	15/09/2010	Nữ	10A3	
18	10000272	Hà Đỗ Trúc Tiên	22/12/2010	Nữ	10A9	
1	11000420	Võ Ngọc Trịnh	22/10/2009	Nam	11B9	
2	11000421	Hà Lê Minh Trọng	01/05/2009	Nam	11B9	
3	11000423	Đặng Thị Trúc	14/10/2009	Nữ	11B3	
4	11000425	Đặng Hữu Trung	07/04/2009	Nam	11B3	
5	11000427	Nguyễn Quốc Trung	19/03/2009	Nam	11B2	
6	11000428	Nguyễn Huỳnh Phi Trường	22/09/2009	Nam	11B8	
7	11000429	Nguyễn Quốc Trường	01/01/2009	Nam	11B4	
8	11000431	Đỗ Nhật Tú	13/10/2009	Nữ	11B1	
9	11000432	Lê Văn Tú	30/07/2009	Nam	11B4	
10	11000433	Nguyễn Thị Cẩm Tú	22/02/2009	Nữ	11B4	
11	11000434	Phan Bùi Tuấn Tú	31/01/2009	Nam	11B8	
12	11000435	Huỳnh Anh Tuấn	26/07/2009	Nam	11B2	
13	11000436	Nguyễn Minh Tuấn	26/03/2009	Nam	11B4	
14	11000437	Nguyễn Thanh Tuấn	30/05/2009	Nam	11B8	
15	11000440	Trương Tiến Tuấn	10/09/2009	Nam	11B4	
16	11000441	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	20/02/2009	Nữ	11B9	
17	11000445	Nguyễn Văn Tý	28/11/2009	Nam	11B9	
18	11000448	Nguyễn Thành Ván	02/01/2009	Nam	11B2	

Đông Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG
TRƯỜNG
THCS VÀ THPT
VẠN TƯỜNG
QUẢNG NGÃI
NGUYỄN NGỌC LÂM

DANH SÁCH HỌC SINH

KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: LÍ(10) - CNCN(11) - PHÒNG: 14

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000273	Nguyễn Thị Ái Tiên	02/12/2010	Nữ	10A6	
2	10000274	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	11/01/2010	Nữ	10A8	
3	10000275	Nguyễn Thị Việt Tiên	24/08/2010	Nữ	10A4	
4	10000276	Trần Thị Thủy Tiên	29/08/2010	Nữ	10A2	
5	10000277	Nguyễn Văn Tiến	01/02/2010	Nam	10A2	
6	10000279	Nguyễn Như Tinh	05/04/2010	Nữ	10A7	
7	10000280	Đặng Thanh Tinh	11/01/2010	Nam	10A7	
8	10000281	Nguyễn Việt Tịnh	12/11/2010	Nam	10A3	
9	10000282	Nguyễn Thị Huyền Trang	29/05/2010	Nữ	10A1	
10	10000283	Nguyễn Thị Thu Trang	02/04/2010	Nữ	10A6	
11	10000284	Nguyễn Thị Thùy Trang	15/03/2010	Nữ	10A7	
12	10000285	Phạm Thị Thu Trang	04/05/2010	Nữ	10A9	
13	10000286	Phan Thị Thùy Trang	08/11/2010	Nữ	10A4	
14	10000288	Võ Bùi Đoan Trang	25/02/2010	Nữ	10A8	
15	10000289	Vũ Thị Huyền Trang	18/12/2010	Nữ	10A6	
16	10000290	Hoàng Thúy Thùy Trâm	25/06/2010	Nữ	10A8	
17	10000291	Nguyễn Thị Bảo Trâm	25/02/2010	Nữ	10A2	
18	10000292	Phạm Bảo Trân	28/04/2010	Nữ	10A9	
1	11000449	Nguyễn Thị Vần	24/10/2009	Nữ	11B8	
2	11000451	Phạm Thị Yến Vi	30/04/2009	Nữ	11B9	
3	11000453	Đặng Lan Viên	14/11/2009	Nữ	11B8	
4	11000456	Phan Khánh Việt	13/08/2009	Nam	11B2	
5	11000458	Lê Phạm Văn Vin	01/08/2009	Nam	11B9	
6	11000463	Thái Ngọc Vũ	02/06/2009	Nam	11B4	
7	11000465	Trần Phi Vương	09/07/2009	Nam	11B4	
8	11000468	Phạm Hà Vy	12/04/2009	Nữ	11B8	
9	11000469	Trần Phạm Thanh Vy	01/08/2009	Nữ	11B9	
10	11000471	Bùi Hà Như Ý	07/07/2009	Nữ	11B9	
11	11000472	Đoàn Ý	09/04/2009	Nam	11B2	
12	11000474	Đỗ Thị Thúy Yên	23/04/2009	Nữ	11B2	
13	11000476	Lê Thị Kim Yến	27/07/2009	Nữ	11B1	
14	11000484	Lê Trần Trung Dũng	27/11/2009	Nam	11B8	

Đống Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026

TRƯỜNG

TRƯỜNG

THCS VÀ THPT

VẠN TƯỜNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

Nguyễn Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: LÍ(10) - CNNN(11) - PHÒNG: 15

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000293	Nguyễn Hà Nhật Tri	15/01/2010	Nam	10A3	
2	10000294	Nguyễn Văn Trí	16/12/2010	Nam	10A1	
3	10000295	Nguyễn Thị Hải Triều	27/02/2010	Nữ	10A3	
4	10000296	Cao Nhật Trình	08/09/2010	Nam	10A4	
5	10000297	Võ Dương Thanh Trúc	10/09/2010	Nữ	10A7	
6	10000298	Dương Phi Trường	16/01/2010	Nam	10A1	
7	10000299	Bùi Thanh Tú	15/11/2010	Nam	10A8	
8	10000300	Huỳnh Cẩm Tú	02/04/2010	Nữ	10A1	
9	10000301	Nguyễn Thị Cẩm Tú	18/12/2010	Nữ	10A8	
10	10000302	Nguyễn Anh Tuấn	31/05/2010	Nam	10A4	
11	10000303	Nguyễn Thanh Tuấn	21/01/2010	Nam	10A4	
12	10000304	Trương Quang Tuấn	17/09/2010	Nam	10A3	
13	10000305	Võ Văn Tuấn	25/11/2010	Nam	10A9	
14	10000306	Nguyễn Thanh Tùng	15/02/2010	Nam	10A7	
15	10000307	Nguyễn Ngọc Tuyền	30/01/2010	Nữ	10A2	
16	10000308	Võ Ngọc Phượng Tuyền	25/07/2010	Nữ	10A2	
17	10000309	Võ Thị Ánh Tuyết	22/12/2010	Nữ	10A9	
18	10000310	Đoàn Thị Tường	05/02/2009	Nữ	10A7	
1	11000004	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	13/12/2009	Nữ	11B12	
2	11000012	Nguyễn Duy Bảo	11/11/2009	Nam	11B12	
3	11000014	Nguyễn Gia Bảo	30/08/2009	Nam	11B11	
4	11000015	Nguyễn Hồng Bảo	26/06/2009	Nam	11B10	
5	11000017	Phan Thới Hoàng Bảo	31/08/2009	Nam	11B5	
6	11000019	Nguyễn Thị Ái Bình	16/09/2009	Nữ	11B10	
7	11000020	Nguyễn Thị Anh Bình	20/11/2009	Nữ	11B11	
8	11000021	Phạm Văn Ca	01/10/2009	Nam	11B7	
9	11000024	Nguyễn Đỗ Thanh Châu	20/03/2009	Nữ	11B7	
10	11000027	Bùi Thị Kim Chi	11/07/2009	Nữ	11B6	
11	11000029	Phạm Nguyễn Tùng Chi	27/03/2009	Nữ	11B7	
12	11000032	Hà Văn Chiến	01/01/2009	Nam	11B11	
13	11000033	Võ Trường Chinh	26/10/2009	Nam	11B7	
14	11000037	Võ Thành Công	10/06/2009	Nam	11B12	
15	11000038	Lê Văn Danh	18/09/2009	Nam	11B6	
16	11000040	Nguyễn Thành Danh	08/05/2009	Nam	11B11	
17	11000041	Lê Ngọc Diễm	30/09/2009	Nữ	11B7	
18	11000043	Trương Lê Phương Diễm	25/07/2008	Nữ	11B7	

Đông Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG
THCS VÀ THPT
VẠN TƯỜNG
Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: LÍ(10) - CNNN(11) - PHÒNG: 16

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000312	Mai Lê Phương Uyên	05/08/2010	Nữ	10A6	
2	10000313	Hồ Thị Hương Vân	08/07/2010	Nữ	10A3	
3	10000314	Phạm Thị Thúy Vân	03/07/2010	Nữ	10A6	
4	10000315	Nguyễn Thị Kiều Vi	12/06/2010	Nữ	10A8	
5	10000316	Phạm Lê Tường Vi	27/01/2010	Nữ	10A6	
6	10000317	Võ Đại Vĩ	20/01/2010	Nam	10A2	
7	10000318	Bùi Thị Tường Viên	14/10/2010	Nữ	10A6	
8	10000319	Lê Quang Vinh	17/03/2010	Nam	10A9	
9	10000320	Nguyễn Quang Vinh	29/08/2010	Nam	10A8	
10	10000321	Trương Công Vinh	24/04/2010	Nam	10A4	
11	10000322	Kiều Duy Vũ	08/08/2010	Nam	10A3	
12	10000323	Phan Thị Ngọc Vui	18/09/2010	Nữ	10A2	
13	10000325	Nguyễn Thị Hà Vy	18/07/2010	Nữ	10A1	
14	10000326	Nguyễn Thị Tường Vy	28/02/2010	Nữ	10A3	
15	10000327	Phan Thảo Vy	02/11/2010	Nữ	10A9	
16	10000328	Tổng Thị Tường Vy	14/07/2010	Nữ	10A1	
17	10000329	Võ Thị Minh Vy	02/08/2010	Nữ	10A6	
18	10000330	Đỗ Tấn Ý	28/03/2010	Nam	10A6	
1	11000045	Nguyễn Thị Xuân Diệu	20/12/2009	Nữ	11B5	
2	11000046	Võ Nguyễn Lâm Doãn	21/12/2009	Nam	11B7	
3	11000048	Nguyễn Tiến Dũng	22/06/2009	Nam	11B12	
4	11000052	Hồ Thị Thảo Duyên	06/07/2009	Nữ	11B11	
5	11000053	Lê Thị Mỹ Duyên	25/01/2009	Nữ	11B10	
6	11000057	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	17/07/2009	Nữ	11B10	
7	11000062	Trần Nguyễn Bảo Đại	29/09/2009	Nam	11B11	
8	11000064	Huỳnh Khánh Đan	07/05/2009	Nam	11B11	
9	11000067	Đặng Xuân Đạt	11/07/2009	Nam	11B6	
10	11000068	Nguyễn Tấn Đạt	14/07/2009	Nam	11B7	
11	11000069	Phan Văn Đạt	19/10/2009	Nam	11B10	
12	11000072	Nguyễn Minh Đức	08/01/2009	Nam	11B11	
13	11000073	Võ Hoàng Gia	27/11/2009	Nam	11B11	
14	11000074	Dương Nguyễn Hương Giang	30/05/2009	Nữ	11B6	
15	11000075	Lê Thị Kim Hà	25/05/2009	Nữ	11B11	
16	11000077	Nguyễn Thị Ngọc Hà	23/09/2009	Nữ	11B12	
17	11000078	Trần Võ Như Hà	15/07/2009	Nữ	11B12	
18	11000079	Võ Thị Thu Hà	31/01/2009	Nữ	11B10	

Đông Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026



Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: LÝ(10) - CNNN(11) - PHÒNG: 17

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000331	Nguyễn Châu Khả Ý	27/08/2010	Nữ	10A2	
2	10000332	Nguyễn Lâm Ý	10/09/2010	Nam	10A4	
3	10000333	Trần Thị Như Ý	19/05/2010	Nữ	10A7	
4	10000334	Võ Phạm Hồng Yên	26/06/2010	Nữ	10A8	
5	10000335	Lê Ngọc Bảo Yến	17/06/2010	Nữ	10A9	
6	10000336	Nguyễn Thị Hải Yến	02/10/2010	Nữ	10A3	
7	10000337	Phạm Huỳnh Ý Mỹ	09/09/2010	Nữ	10A8	
1	11000082	Phạm Minh Hải	29/07/2009	Nam	11B12	
2	11000083	Phạm Trung Hải	22/06/2009	Nam	11B12	
3	11000086	Trần Thị Mỹ Hào	08/12/2009	Nữ	11B10	
4	11000088	Trịnh Thị Thúy Hằng	19/03/2008	Nữ	11B12	
5	11000090	Nguyễn Phạm Bảo Hân	12/01/2009	Nữ	11B6	
6	11000091	Nguyễn Thị Gia Hân	17/11/2009	Nữ	11B10	
7	11000103	Nguyễn Thị Hoa	12/09/2009	Nữ	11B6	
8	11000110	Phạm Tấn Huy	10/12/2009	Nam	11B10	
9	11000111	Phan Chí Huy	01/09/2009	Nam	11B11	
10	11000114	Tiêu Viết Huy	23/03/2009	Nam	11B6	
11	11000115	Võ Khắc Huy	08/07/2009	Nam	11B12	
12	11000116	Hồ Thị Ngọc Huyền	30/06/2009	Nữ	11B12	
13	11000119	Dương Gia Hưng	22/06/2008	Nam	11B5	
14	11000120	Lê Nguyễn Văn Hưng	22/02/2009	Nam	11B7	
15	11000123	Trịnh Văn Hữu	12/01/2008	Nam	11B6	
16	11000128	Lê Quang Khang	30/12/2009	Nam	11B5	
17	11000129	Nguyễn Hoàng Khang	03/06/2009	Nam	11B11	
18	11000134	Huỳnh Nguyễn Duy Khánh	15/06/2009	Nam	11B11	

Đông Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: KTPL(10) - CNNN(11) - PHÒNG: 18

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000015	Nguyễn Thái Bảo	09/10/2010	Nam	10A5	
2	10000030	Võ Lâm Cường	28/12/2009	Nam	10A5	
3	10000040	Nguyễn Văn Tiến Dũng	27/07/2009	Nam	10A5	
4	10000062	Tô Thị Bích Hằng	20/01/2010	Nữ	10A5	
5	10000069	Nguyễn Tấn Hiền	05/08/2010	Nam	10A5	
6	10000076	Nguyễn Đức Hoa	25/09/2010	Nam	10A5	
7	10000077	Nguyễn Thị Hoa	02/03/2010	Nữ	10A5	
8	10000083	Đỗ Thị Kim Huệ	25/02/2010	Nữ	10A5	
9	10000084	Cao Nguyễn Gia Huy	22/08/2009	Nam	10A5	
10	10000085	Lê Đức Huy	17/09/2009	Nam	10A5	
11	10000104	Nguyễn Công Kha	25/01/2010	Nam	10A5	
12	10000112	Nguyễn Văn Khoa	20/11/2010	Nam	10A5	
13	10000114	Nguyễn Duy Khôi	07/12/2009	Nam	10A5	
14	10000120	Dương Thị Mỹ Kiều	14/09/2010	Nữ	10A5	
15	10000124	Vy Ngọc Lâm	05/01/2010	Nam	10A5	
16	10000128	Đoàn Trần Quỳnh Loan	31/05/2010	Nữ	10A5	
17	10000134	Võ Thị Kim Ly	07/06/2010	Nữ	10A5	
18	10000142	Lê Vũ Trà My	10/03/2010	Nữ	10A5	
1	11000142	Nguyễn Cao Khoa	17/03/2009	Nam	11B5	
2	11000145	Võ Anh Khoa	17/03/2009	Nữ	11B7	
3	11000147	Phạm Ngọc Khuê	13/07/2009	Nữ	11B10	
4	11000148	Võ Minh Khuê	28/08/2009	Nữ	11B11	
5	11000151	Nguyễn Thị Hiếu Kiên	08/05/2009	Nữ	11B6	
6	11000154	Đỗ Phan Kiệt	25/12/2009	Nam	11B5	
7	11000155	Nguyễn Gia Kiệt	17/11/2009	Nam	11B10	
8	11000160	Nguyễn Bá Kỳ	18/09/2009	Nam	11B12	
9	11000164	Phan Thị Kim Liên	31/05/2009	Nữ	11B11	
10	11000165	Phan Thúy Liễu	02/11/2009	Nữ	11B11	
11	11000166	Phan Thị Diệu Linh	01/11/2009	Nữ	11B10	
12	11000168	Trương Dương Thùy Linh	30/08/2009	Nữ	11B5	
13	11000177	Đàm Thị Khánh Ly	03/11/2009	Nữ	11B6	
14	11000178	Nguyễn Gia Ly	11/12/2009	Nữ	11B12	
15	11000179	Trần Thị Kim Ly	24/04/2008	Nữ	11B7	
16	11000181	Võ Huỳnh Khánh Ly	19/07/2009	Nữ	11B10	
17	11000183	Võ Thị Cẩm Ly	20/12/2009	Nữ	11B5	
18	11000184	Nguyễn Duy Mạnh	08/06/2009	Nam	11B12	

Đống Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026

TRƯỜNG
THCS VÀ THPT
VẠN TƯỜNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI
Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: KTPL(10) - CNNN(11) - PHÒNG: 19

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000144	Phạm Vũ Kiều My	09/11/2010	Nữ	10A5	
2	10000151	Nguyễn Đỗ A Na	04/12/2010	Nữ	10A5	
3	10000158	Phạm Thị Thanh Nga	23/08/2010	Nữ	10A5	
4	10000161	Nguyễn Thị Kim Ngân	14/05/2010	Nữ	10A5	
5	10000172	Lại Phạm Ánh Ngọc	21/08/2010	Nữ	10A5	
6	10000182	Đông Thị Kim Nhất	11/12/2010	Nữ	10A5	
7	10000191	Nguyễn Trần Tuệ Nhi	09/09/2010	Nữ	10A5	
8	10000196	Bùi Thị Tâm Như	12/08/2009	Nữ	10A5	
9	10000198	Đỗ Thị Quỳnh Như	19/11/2010	Nữ	10A5	
10	10000199	Đỗ Thùy Ý Như	20/07/2010	Nữ	10A5	
11	10000203	Tạ Hoàng Yến Như	01/01/2010	Nữ	10A5	
12	10000216	Tiêu Thị Phụng	09/02/2010	Nữ	10A5	
13	10000232	Trịnh Thị Minh Tâm	06/08/2010	Nữ	10A5	
14	10000238	Quảng Thị Phương Thảo	02/08/2010	Nữ	10A5	
15	10000244	Trần Thị Thiện	26/12/2010	Nữ	10A5	
16	10000252	Nguyễn Thị Minh Thu	25/09/2010	Nữ	10A5	
17	10000263	Thới Thị Anh Thư	08/10/2010	Nữ	10A5	
18	10000278	Đinh Thị Kim Tiết	13/06/2010	Nữ	10A5	
1	11000185	Nguyễn Duy Mạnh	10/04/2009	Nam	11B11	
2	11000189	Phạm Ngọc Minh	06/08/2009	Nam	11B7	
3	11000191	Nguyễn Thị Diễm My	30/03/2009	Nữ	11B12	
4	11000193	Võ Nguyễn Tường My	14/10/2009	Nữ	11B7	
5	11000194	Võ Vy Hà My	09/06/2009	Nữ	11B7	
6	11000197	Nguyễn Thị Ly Na	24/06/2009	Nữ	11B7	
7	11000198	Nguyễn Thị Ly Na	04/02/2009	Nữ	11B11	
8	11000199	Võ Thị Mi Na	17/05/2009	Nữ	11B6	
9	11000201	Trần Thúy Nga	07/07/2009	Nữ	11B11	
10	11000203	Phạm Nguyễn Thanh Ngà	31/10/2009	Nữ	11B5	
11	11000204	Đinh Ngọc Ngân	11/11/2009	Nữ	11B5	
12	11000205	Hồ Thị Thuý Ngân	10/08/2009	Nữ	11B5	
13	11000206	Ngô Phạm Kim Ngân	01/10/2009	Nữ	11B11	
14	11000207	Nguyễn Duy Ngân	29/03/2009	Nam	11B10	
15	11000208	Nguyễn Thị Kim Ngân	14/11/2009	Nữ	11B7	

Đông Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026

HỌ TÊN
TRƯỜNG
THCS VÀ THPT
VẠN TƯỜNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI
TRƯỞNG
Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: CNNN(11) - PHÒNG: 20

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000209	Nguyễn Thị Thu Ngân	08/02/2009	Nữ	11B6	
2	11000210	Nguyễn Thị Thúy Ngân	01/09/2009	Nữ	11B11	
3	11000214	Võ Thị Tuyết Ngân	18/06/2009	Nữ	11B6	
4	11000215	Trần Tuyết Nghi	25/07/2009	Nữ	11B10	
5	11000216	Võ Phạm Phương Nghi	25/08/2009	Nữ	11B12	
6	11000217	Võ Thị Thúy Nghi	16/09/2009	Nữ	11B12	
7	11000220	Huỳnh Đào Như Ngọc	16/03/2009	Nữ	11B10	
8	11000222	Lý Ngô Bảo Ngọc	26/09/2009	Nữ	11B7	
9	11000224	Nguyễn Tiến Ngọc	23/08/2009	Nam	11B5	
10	11000225	Phan Thị Thúy Ngọc	24/08/2009	Nữ	11B11	
11	11000227	Phù Thị Ngọc	13/03/2009	Nữ	11B7	
12	11000228	Trịnh Yến Ngọc	25/10/2009	Nữ	11B11	
13	11000233	Võ Trịnh Như Nguyệt	04/01/2009	Nữ	11B6	
14	11000235	Nguyễn Thị Thanh Nhân	06/01/2009	Nữ	11B7	
15	11000240	Phạm Đỗ Hoài Nhất	20/04/2009	Nam	11B11	
16	11000242	Phan Văn Quang Nhật	28/06/2009	Nam	11B5	
17	11000243	Cao Nguyễn Tú Nhi	30/04/2008	Nữ	11B6	
18	11000244	Đinh Thị Hồng Nhi	28/07/2008	Nữ	11B11	
19	11000247	Hồ Thị Bảo Nhi	04/07/2009	Nữ	11B10	
20	11000250	Mai Phạm Yến Nhi	10/08/2009	Nữ	11B6	
21	11000251	Nguyễn Hồng Yến Nhi	05/11/2009	Nữ	11B5	
22	11000252	Nguyễn Thị Yến Nhi	18/09/2009	Nữ	11B6	
23	11000253	Phạm Thị Yến Nhi	21/04/2009	Nữ	11B11	
24	11000254	Tạ Thị Ái Nhi	12/10/2009	Nữ	11B10	

Đông Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG
TRƯỜNG
THCS VÀ THPT
VẠN TƯỜNG
NGUYỄN NGỌC LÂM

DANH SÁCH HỌC SINH

KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CNNN(11) - PHÒNG: 21

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000255	Trần Yến Nhi	09/11/2009	Nữ	11B7	
2	11000258	Tiêu Thị Hồng Nhiên	14/06/2009	Nữ	11B10	
3	11000260	Nguyễn Thị Kiều Nhung	09/05/2009	Nữ	11B5	
4	11000261	Nguyễn Thị Thúy Nhung	08/05/2009	Nữ	11B6	
5	11000262	Trương Thị Yến Nhung	04/02/2009	Nữ	11B5	
6	11000264	Đoàn Thị Huỳnh Như	01/06/2009	Nữ	11B11	
7	11000265	Nguyễn Thị Quỳnh Như	26/09/2009	Nữ	11B6	
8	11000266	Nguyễn Thị Tịnh Như	17/12/2009	Nữ	11B7	
9	11000267	Phạm Thị Quỳnh Như	21/08/2009	Nữ	11B5	
10	11000268	Phan Thị Quỳnh Như	26/05/2009	Nữ	11B7	
11	11000270	Nguyễn Thúy Ni	25/04/2009	Nữ	11B7	
12	11000274	Nguyễn Thị Xuân Nữ	03/01/2009	Nữ	11B12	
13	11000276	Nguyễn Thị Mỹ Nương	09/05/2009	Nữ	11B5	
14	11000279	Võ Thị Hoài Ny	20/04/2009	Nữ	11B7	
15	11000280	Nguyễn Thị Phương Oanh	03/02/2009	Nữ	11B12	
16	11000283	Nguyễn Trần Minh Phát	23/03/2009	Nam	11B5	
17	11000287	Đỗ Duy Phin	10/10/2009	Nam	11B11	
18	11000288	Cù Chí Phong	02/08/2009	Nam	11B7	
19	11000290	Nguyễn Vũ Phong	27/04/2009	Nam	11B11	
20	11000292	Phạm Đình Hoàng Phong	02/04/2009	Nam	11B12	
21	11000293	Đàm Việt Phú	12/09/2009	Nam	11B10	
22	11000295	Trần Lê Phú	03/01/2009	Nam	11B10	
23	11000297	Nguyễn Hoàng Phúc	03/03/2009	Nam	11B12	
24	11000300	Nguyễn Hữu Phước	19/08/2009	Nam	11B12	

Đông Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026

TRƯỜNG
THCS VÀ THPT
VẠN TƯỜNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: CNNN(11) - PHÒNG: 22

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000306	Nguyễn Thị Hoàng Phương	03/02/2009	Nữ	11B12	
2	11000307	Nguyễn Nguyễn Như Phương	18/12/2009	Nữ	11B7	
3	11000309	Nguyễn Thị Phước Quý	26/08/2009	Nữ	11B10	
4	11000311	Phạm Thị Nguyễn Quyên	17/12/2009	Nữ	11B5	
5	11000313	Tiêu Thị Thảo Quyên	08/04/2009	Nữ	11B5	
6	11000314	Trương Thị Quyên	02/03/2009	Nữ	11B12	
7	11000315	Võ Hồng Quyền	08/05/2009	Nam	11B12	
8	11000316	Nguyễn Văn Quyền	01/04/2009	Nam	11B5	
9	11000317	Mai Nguyễn Xuân Quyết	17/11/2009	Nam	11B6	
10	11000319	Cao Thị Như Quỳnh	02/11/2009	Nữ	11B11	
11	11000320	Đinh Thị Như Quỳnh	17/07/2009	Nữ	11B6	
12	11000321	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	05/03/2009	Nữ	11B6	
13	11000323	Trần Như Quỳnh	28/10/2008	Nữ	11B7	
14	11000324	Trần Võ Như Quỳnh	13/05/2009	Nữ	11B6	
15	11000325	Đặng Tấn Rìn	20/10/2009	Nam	11B10	
16	11000326	Dương Tấn Sang	15/01/2009	Nam	11B11	
17	11000329	Trương Nhật Sinh	14/03/2009	Nam	11B6	
18	11000330	Nguyễn Ngọc Sơn	12/03/2009	Nam	11B12	
19	11000331	Trương Công Hoàng Sơn	09/09/2009	Nam	11B12	
20	11000332	Bùi Hữu Minh Tâm	26/08/2008	Nam	11B6	
21	11000333	Nguyễn Thị Hồng Tâm	12/05/2009	Nữ	11B6	
22	11000336	Huỳnh Ngọc Thạch	27/04/2009	Nam	11B12	
23	11000338	Võ Lâm Thái	09/07/2009	Nam	11B10	
24	11000339	Nguyễn Duy Thanh	25/03/2009	Nam	11B5	

Đông Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH

KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CNNN(11) - PHÒNG: 23

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000341	Bùi Thanh Thảo	26/05/2009	Nữ	11B5	
2	11000343	Bùi Thị Thu Thảo	09/07/2009	Nữ	11B11	
3	11000344	Huỳnh Thị Kim Thảo	22/10/2009	Nữ	11B10	
4	11000345	Nguyễn Ngọc Thảo	21/08/2009	Nữ	11B10	
5	11000346	Nguyễn Thị Thu Thảo	04/07/2009	Nữ	11B11	
6	11000347	Phạm Thị Thanh Thảo	01/03/2009	Nữ	11B7	
7	11000357	Nguyễn Phúc Thịnh	31/10/2009	Nam	11B12	
8	11000359	Nguyễn Thành Thịnh	28/05/2009	Nam	11B5	
9	11000360	Nguyễn Tuấn Thịnh	16/05/2009	Nam	11B12	
10	11000361	Bùi Kim Thoa	27/12/2009	Nữ	11B7	
11	11000362	Nguyễn Thái Thông	21/02/2009	Nam	11B10	
12	11000364	Nguyễn Thị Thủy	03/12/2009	Nữ	11B6	
13	11000365	Võ Thị Thu Thủy	01/07/2009	Nữ	11B5	
14	11000367	Trương Thị Phương Thúy	01/05/2009	Nữ	11B10	
15	11000368	Lê Thị Thuyền	25/08/2009	Nữ	11B11	
16	11000369	Bùi Nguyễn Khánh Thư	09/08/2009	Nữ	11B11	
17	11000370	Bùi Võ Quý Thư	03/12/2009	Nữ	11B10	
18	11000371	Lê Anh Thư	04/07/2009	Nữ	11B10	
19	11000372	Nguyễn Anh Thư	29/11/2009	Nữ	11B11	
20	11000374	Nguyễn Ngọc Anh Thư	12/07/2009	Nữ	11B7	
21	11000375	Nguyễn Ngọc Anh Thư	26/12/2009	Nữ	11B6	
22	11000376	Nguyễn Phan Anh Thư	29/09/2009	Nữ	11B7	
23	11000378	Nguyễn Thị Anh Thư	18/12/2009	Nữ	11B10	
24	11000379	Nguyễn Thị Hoài Thư	16/08/2009	Nữ	11B6	

Đông Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: CNNN(11) - PHÒNG: 24

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000380	Nguyễn Thị Minh Thư	16/08/2009	Nữ	11B6	
2	11000381	Phạm Thị Anh Thư	08/12/2009	Nữ	11B6	
3	11000384	Nguyễn Thanh Thức	23/01/2009	Nam	11B10	
4	11000385	Ngô Thị Hoài Thương	27/05/2009	Nữ	11B7	
5	11000388	Nguyễn Bảo Thy	15/06/2009	Nữ	11B5	
6	11000390	Nguyễn Huỳnh Hải Thy	21/09/2009	Nữ	11B7	
7	11000391	Huỳnh Đỗ Thùy Tiên	07/01/2009	Nữ	11B5	
8	11000395	Võ Thị Kim Tiền	19/03/2009	Nữ	11B10	
9	11000400	Thiều Hữu Bảo Toàn	03/11/2009	Nam	11B7	
10	11000408	Lê Đặng Thùy Trâm	03/03/2009	Nữ	11B10	
11	11000411	Phạm Thị Mai Trâm	02/05/2009	Nữ	11B7	
12	11000412	Tiêu Bảo Trâm	19/05/2009	Nữ	11B11	
13	11000416	Phan Văn Triết	23/12/2009	Nam	11B6	
14	11000417	Nguyễn Ngọc Bảo Trinh	28/02/2009	Nữ	11B10	
15	11000419	Phạm Trương Trinh	20/11/2009	Nữ	11B10	
16	11000422	Trương Quang Trọng	10/12/2009	Nam	11B12	
17	11000424	Lê Thị Minh Trúc	21/04/2009	Nữ	11B5	
18	11000426	Nguyễn Chí Trung	15/06/2009	Nam	11B10	
19	11000430	Nguyễn Thanh Đan Trường	16/08/2008	Nam	11B11	
20	11000438	Nguyễn Thanh Tuấn	07/04/2009	Nam	11B10	
21	11000439	Phạm Quốc Tuấn	16/10/2009	Nam	11B6	
22	11000442	Nguyễn Văn Tuyền	07/07/2009	Nam	11B5	
23	11000443	Đỗ Phạm Ánh Tuyết	25/10/2009	Nữ	11B11	
24	11000444	Nguyễn Thị Tuyết	10/07/2009	Nữ	11B5	

Đông Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026

PHÒNG TRƯỞNG

TRƯỜNG
THCS VÀ THPT
VẠN TƯỜNG
Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH
KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: CNNN(11) - PHÒNG: 25

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000446	Bùi Ngọc Phương Uyên	18/10/2009	Nữ	11B11	
2	11000447	Phạm Khả Uyên	26/07/2009	Nữ	11B6	
3	11000450	Bùi Thị Thanh Vi	20/06/2009	Nữ	11B12	
4	11000452	Phạm Vương Vĩ	16/05/2009	Nam	11B5	
5	11000454	Hồ Võ Anh Việt	10/01/2009	Nam	11B5	
6	11000455	Nguyễn Duy Việt	01/09/2009	Nam	11B10	
7	11000457	Đỗ Hữu Vin	17/09/2009	Nam	11B10	
8	11000459	Bùi Anh Võ	07/09/2008	Nam	11B5	
9	11000460	Dương Thế Vũ	01/10/2009	Nam	11B10	
10	11000461	Đỗ Ngọc Vũ	20/10/2009	Nam	11B10	
11	11000462	Phạm Hoàng Vũ	16/04/2009	Nam	11B11	
12	11000464	Lê Quang Vương	08/02/2009	Nam	11B5	
13	11000466	Trương Thanh Vương	17/10/2009	Nam	11B6	
14	11000467	Đặng Thị Nhật Vy	26/10/2009	Nữ	11B10	
15	11000470	Lê Thị Kim Xuân	27/08/2009	Nữ	11B10	
16	11000473	Đỗ Như Ý	05/02/2009	Nữ	11B12	
17	11000475	Phạm Thị Yên	08/04/2009	Nữ	11B5	
18	11000477	Mai Bảo Yến	17/12/2009	Nữ	11B11	
19	11000478	Nguyễn Hoàng Kim Yến	29/04/2009	Nữ	11B10	
20	11000479	Nguyễn Thị Phi Yến	04/02/2009	Nữ	11B10	
21	11000480	Trần Thị Hải Yến	17/06/2009	Nữ	11B6	
22	11000481	Võ Thị Bảo Yến	08/10/2009	Nữ	11B5	
23	11000482	Võ Thị Bảo Yến	08/09/2009	Nữ	11B7	
24	11000483	Võ Thị Kim Yến	16/07/2009	Nữ	11B11	

Đông Sơn, ngày 12 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG
TRƯỜNG
THCS VÀ THPT
VẠN TƯỜNG
Ngô Ngọc Lâm